

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ: “**Luận cứ khoa học cho giải pháp chính sách phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung Bộ**”.

Mã số: **ĐTĐL.XH.05/19**

- Loại nhiệm vụ KHCN: **Đề tài độc lập cấp Quốc gia**

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

Mục tiêu chung:

- Xây dựng được luận cứ khoa học cho phát triển bền vững dải ven biển phù hợp với bối cảnh phát triển mới của Việt Nam.
- Đánh giá đúng thực trạng chính sách phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung Bộ.
- Đánh giá được tác động của bối cảnh mới đến phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung Bộ.
- Đề xuất được quan điểm và giải pháp chính sách đảm bảo phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung Bộ trong bối cảnh mới.

Các mục tiêu cụ thể:

Về mặt lý luận:

- Làm rõ những vấn đề lý luận về PTBV gắn với phát triển bền vững dải ven biển. Nghiên cứu nhấn mạnh việc bổ sung mới về lý luận PTBV vùng trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, kinh tế tri thức, kinh tế xanh, BDKH và cách mạng công nghiệp 4.0.
- Nghiên cứu cơ sở lý luận về dải ven biển, từ đó đề tài xây dựng khung lý thuyết về phát triển bền vững dải ven biển bao gồm khái niệm, nội hàm, bộ tiêu chí đánh giá và các nhân tố tác động đến phát triển bền vững dải ven biển.
- Nghiên cứu cơ sở lý luận về chính sách phát triển bền vững dải ven biển bao gồm các thể chế chính sách về kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa và quốc phòng an ninh. Xây dựng khung lý thuyết đánh giá các chính sách phát triển bền vững dải ven biển.

Về mặt thực tiễn:

- Nghiên cứu kinh nghiệm về phát triển bền vững dải ven biển và chính sách phát triển bền vững dải ven biển trong nước và quốc tế. Nghiên cứu các bài học kinh nghiệm về xây dựng chính sách và thể chế kinh tế phát triển bền vững dải ven biển, cơ chế, chính sách liên kết vùng, liên kết ngành nhằm phát triển bền vững dải ven biển, từ đó rút ra các bài học có thể áp dụng và cần tránh đối với phát triển bền vững dải ven biển ở Bắc Trung bộ.
- Đánh giá toàn diện về thực trạng và những vấn đề đặt ra về phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung Bộ và thực trạng hệ thống chính sách phát triển bền vững, chỉ

rõ những bất cập, rào cản (nút thắt) của các chính sách đối với phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung bộ trong những năm qua.

-Đánh giá tác động của bối cảnh mới đến phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung bộ và dự báo các kịch bản về triển vọng phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung bộ đến năm 2030 tầm nhìn 2045.

Đề xuất hệ thống quan điểm, định hướng, mục tiêu và đề xuất các giải pháp chính sách đảm bảo phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung bộ đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: **GS.TS. Nguyễn Đình Hương**
4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: **Trường Đại học Kinh tế quốc dân**
5. Tổng kinh phí thực hiện: **3.810 triệu đồng.**
Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: **3.810 triệu đồng.**
Kinh phí từ nguồn khác: **0 triệu đồng.**
6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng: **30 tháng**
Bắt đầu: **03/2019**
Kết thúc: **08/2021**
Được gia hạn: **12/2021**

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

TT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Cơ quan công tác
1.	Nguyễn Đình Hương	GS.TS	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2.	Nguyễn Ngọc Sơn	PGS.TS.	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
3.	Lê Hà Thanh	PGS.TS	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
4.	Nguyễn Đình Thọ	PGS.TS	Viện chiến lược, chính sách Tài nguyên và môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường
5.	Nguyễn Thế Chinh	PGS.TS.	Viện chiến lược, chính sách Tài nguyên và môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường
6.	Phạm Hoàng Hải	GS. TSKH	Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
7.	Nguyễn Đình Chúc	TS	Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững vùng - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
8.	Vũ Duy Nguyên	TS	Học viện Tài chính
9.	Nguyễn Gia Thọ	TS	Viện Hỗ trợ pháp lý và Bảo vệ môi trường, Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

10.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
11.	Hoàng Xuân Quế	PGS.TS.	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
12.	Phan Hữu Nghị	TS	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
13.	Trần Mạnh Dũng	PGS.TS.	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
14.	Nguyễn Thị Huệ	TS	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
15.	Hồ Thị Hải Yến	TS	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
16.	Nguyễn Thị Chính	TS	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
17.	Nguyễn Đình Hưng	TS	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
18.	Ngô Thúy Quỳnh	PGS.TS.	Học viện Hành chính Quốc gia
19.	Trần Thị Mai Hoa	TS	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
20.	Đỗ Thị Hải Hà	PGS.TS.	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
21.	Đoàn Hồng Lê	PGS.TS	Trường Đại học Duy Tân
22.	Phạm Văn Hùng	PGS.TS	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
23.	Nguyễn Đình Toàn	TS	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
24.	Lê Thị Hồng Thuận	ThS.	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
25.	Nguyễn Thị Mai Lan	ThS.	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
26.	Nguyễn Văn Thuận	ThS.	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
27.	Nguyễn Văn Hậu	TS	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
28.	Hoàng Văn Hoa	GS.TS	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29.	Đỗ Thị Ngọc Lan	TS	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
30.	Vũ Văn Tùng	PGS.TS.	Học viện Hậu cần
31.	Nguyễn Thị Huệ	ThS.	Trường Đại học Thương Mại
32.	Nguyễn Thị Thúy Hồng	TS	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
33.	NCS. Lê Văn Viễn	ThS	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
34.	Phạm Quyết Thắng	ThS.	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
35.	Nghiêm Thái Sơn	ThS.	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
36.	Trần Thị Vân Anh	ThS.	Trường Đại học Kinh tế quốc dân

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số T T	Tên sản phẩm	Số lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
I	Các sản phẩm cuối cùng						
1	Báo cáo khoa học tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài	X			X		
2	Báo cáo tóm tắt	X			X		
3	Báo cáo kiến nghị của đề tài	X			X		
4	Bộ Cơ sở dữ liệu, bao gồm Bản đồ, sơ đồ có các tỷ lệ phù hợp	X			X		
5	Sách chuyên khảo	X			X		
6	+02 bài báo khoa học đăng tạp chí quốc tế. +3 bài báo khoa học đăng tạp chí uy tín trong nước. +11 bài đăng ký yếu HTKH Quốc gia có giấy phép xuất bản	X			X		
7	Tham gia đào tạo sau đại học (1 NCS; 2 HVCH)	X			X		
II	Các sản phẩm trung gian						
1	Kỷ yếu 3 hội thảo khoa học	X			X		
2	Các báo cáo kết quả nghiên cứu thuộc 9 nội dung của đề tài	X			X		
3	Tập báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát	X			X		
4	Báo cáo Chất lọc kết quả nghiên cứu	X			X		

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Sách chuyên khảo: Chính sách phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung Bộ: Từ lý luận đến thực tiễn	Từ tháng 1/2022	NXB Chính trị Quốc gia, Sự thật, in và phát hành rộng rãi trong cả nước	

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1	Bản kiến nghị thể hiện cô đọng, rõ ràng chính kiến của tập thể tác giả, đảm bảo cơ sở khoa học, phục vụ thiết thực cho việc phát triển lý luận và giải quyết những vấn đề thực tiễn trọng yếu về chính sách PTBV của Dải ven biển Bắc Trung Bộ trong điều kiện hiện nay, phục vụ cho soạn thảo các chính sách phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung Bộ.		-Hội đồng Lý luận Trung ương -Ban Kinh tế Trung ương, - Bộ Khoa học công nghệ - Bộ Tài Nguyên và Môi trường - 6 tỉnh thuộc dải ven biển Bắc Trung Bộ bao gồm: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên – Huế.	
2	Bộ Cơ sở dữ liệu, bao gồm -Tập số liệu thứ cấp về điều kiện tự nhiên dải ven biển Bắc Trung Bộ - Tập số liệu thứ cấp về hiện trạng phát triển dải ven biển Bắc Trung Bộ - Tập Bản đồ, sơ đồ về thực trạng và định hướng phát triển dải ven biển Bắc Trung Bộ. Tỷ lệ: 1:250.000		-Hội đồng Lý luận Trung ương -Ban Kinh tế Trung ương, - Bộ Khoa học công nghệ - Bộ Tài Nguyên và Môi trường - 6 tỉnh thuộc dải ven biển Bắc Trung Bộ bao gồm: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên – Huế.	

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

2.1 Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần bổ sung, hoàn thiện các khía cạnh lý luận về PTBV và phát triển bền vững các vùng ở Việt Nam.

Về nguyên tắc PTBV của Việt Nam phải đặt trong sự giao thoa cần thiết giữa những yêu cầu, xu hướng và nội hàm PTBV của thế giới (đặt ra bởi các tổ chức PTBV quốc tế) và những yêu cầu đặt ra về PTBV phù hợp với trình độ phát triển kinh tế của Việt Nam. Những định nghĩa về PTBV của các tổ chức quốc tế, của các học giả đương đại hiện nay chỉ là những định nghĩa có tính chất cơ bản. Từ nền tảng cơ bản đó, chúng ta phải lựa chọn để định nghĩa ra một nội hàm PTBV của riêng Việt Nam, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của Việt Nam. Nội hàm của khái niệm PTBV cho Việt Nam không thể giống với sự PTBV của Mỹ, của Trung Quốc, của Nhật Bản, của Âu châu, của các nước Đông Nam Á khác.

2.2 Nghiên cứu này sẽ tổng hợp, phát hiện và đặt PTBV của dải ven biển Bắc Trung Bộ dưới sự tác động mạnh của các yếu tố toàn cầu hóa, kinh tế tri thức, kinh tế xanh và biến đổi khí hậu.

Bắc Trung Bộ Việt Nam gồm có 6 tỉnh: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên-Huế. Vùng Bắc Trung Bộ có tính chất chuyển tiếp giữa các vùng kinh tế phía Bắc và các vùng kinh tế phía Nam. Phía Tây là sườn Đông Trường Sơn, giáp nước Lào có đường biên giới dài 1.294 km với các cửa khẩu Quan Hoá, Lang Chánh (Thanh Hoá), Kỳ Sơn (Nghệ An), Hương Sơn (Hà Tĩnh), Lao Bảo (Quảng Trị), tạo điều kiện giao lưu kinh tế với Lào và các nước Đông Nam Á trên lục địa; Phía Đông hướng ra biển Đông với tuyến đường bộ ven biển dài 700 km, với nhiều hải sản và có nhiều cảng nước sâu có thể hình thành các cảng biển. Vùng có nơi hẹp nhất là Quảng Bình (50km), nằm trên trục giao thông xuyên Việt là điều kiện thuận lợi giao lưu kinh tế với các tỉnh phía Bắc và phía Nam. Địa hình Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung có độ cao thấp dần từ khu vực miền núi xuống đồi gò trung du, xuôi xuống các đồng bằng phía trong dải cồn cát ven biển rồi ra đến các đảo ven bờ.

Bắc Trung Bộ nơi bắt đầu của dãy Trường Sơn, mà sườn Đông đổ xuống Vịnh Bắc Bộ, có độ dốc khá lớn. Lãnh thổ có bề ngang hẹp, địa hình chia cắt phức tạp bởi các con sông và dãy núi đâm ra biển, như dãy Hoàng Mai (Nghệ An), dãy Hồng Lĩnh (Hà Tĩnh)... sông Mã (Thanh Hoá), sông Cả (Nghệ An), sông Nhật Lệ (Quảng Bình)... Cấu trúc địa hình gồm các cồn cát, dải cát ven biển, tiếp theo là các dải đồng bằng nhỏ hẹp, cuối cùng phía Tây là trung du, miền núi thuộc dải Trường Sơn Bắc. Nhìn chung địa hình Bắc Trung Bộ phức tạp, đại bộ phận lãnh thổ là núi, đồi, hướng ra biển, có độ dốc, nước chảy xiết, thường hay gây lũ lụt bất ngờ gây khó khăn cho sản xuất và đời sống nhân dân. Bắc Trung Bộ là vùng có điều kiện khí hậu khắc nghiệt nhất trong cả nước. Hàng năm thường xảy ra nhiều thiên tai như bão, lũ, gió Lào, hạn hán, mà nguyên nhân cơ bản là do vị trí, cấu trúc địa hình tạo ra. Vùng này cũng chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc lạnh, tuy nhiên không nhiều như ở Bắc Bộ. Điều kiện khí hậu của vùng gây khó khăn cho sản xuất đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Vùng Bắc trung Bộ có trình độ phát triển thấp hơn nhiều so với Nam Trung Bộ, Vùng ven biển Bắc Bộ và ven biển Nam Bộ.

Vệc nghiên cứu đề tài không chỉ có ý nghĩa bổ sung nội hàm và những nội dung mới của PTBV vùng ở trên, mà nó còn có ý nghĩa quan trọng trong đổi mới tư duy và hành động của các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách, quản lý, điều hành kinh tế về PTBV vùng ven biển Bắc Trung Bộ. Khi hiểu được trong thời đại hiện nay, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hơn lúc nào hết đã tạo ra những tác động đồng thuận (tạo nhiều cơ hội) và những tác động không đồng thuận (tạo ra những thách thức) cho phát triển kinh tế biển Việt Nam; khi hiểu được biến đổi khí hậu hiện nay và tương lai là yếu

tổ đã và sẽ ảnh hưởng gây cản trở đến nhiều mục tiêu phát triển kinh tế biển của Việt Nam nói chung và dải ven biển Bắc Trung Bộ nói riêng, thì các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách, quản lý và điều hành nền kinh tế sẽ xem như nó là *một biến số đặc biệt quan trọng và truyền tải được nội hàm của nó* vào các văn kiện định hướng PTBV, vào quá trình hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách, các giải pháp có liên quan đến quản trị quá trình PTBV, hay trong các thiết kế mô hình PTBV ở các cấp độ khác nhau.

2.3 Kết quả nghiên cứu được sử dụng trực tiếp phục vụ công tác triển khai thực hiện cũng như chỉnh sửa các văn bản hoạch định đường lối, định hướng phát triển kinh tế biển và được áp dụng vào dải ven biển Bắc Trung Bộ.

Cụ thể: phục vụ cho quá trình hoạch định mục tiêu, giải pháp, chính sách trong đường lối phát triển KTXH đưa ra trong chiến lược phát triển KTXH Vùng Bắc Trung Bộ và các địa phương trong vùng giai đoạn 2021-2030. Các kết quả nghiên cứu cũng sẽ được sử dụng trong việc điều hành đánh giá và giám sát của Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan chuyên ngành, các địa phương đối với các hoạt động có liên quan đến phát triển KTXH và môi trường. Từ đó nâng cao trách nhiệm giải trình, tính minh bạch và khoa học trong ưu tiên hóa, phân bổ và sử dụng các yếu tố nguồn lực cho việc thực hiện các mục tiêu PTBV.

2.4 Một ý nghĩa quan trọng của đề tài, khi thực hiện tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân, sẽ góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện các khía cạnh lý luận và thực tiễn về PTBV nói chung, bao gồm: nội hàm của PTBV, các yếu tố tác động đến PTBV, các tiêu chí đánh giá PTBV, quan điểm mục tiêu định hướng, các mô hình PTBV toàn cầu và Việt Nam trong điều kiện mới của toàn cầu hóa, kinh tế tri thức, kinh tế xanh và BDKH, công tác quản trị nhà nước về PTBV trong giảng dạy, nghiên cứu và học tập của giáo viên và sinh viên của trường Đại học Kinh tế Quốc dân nói riêng và các trường đại học khối kinh tế và tài chính trong cả nước, đáp ứng được yêu cầu đào tạo phục vụ nhu cầu xã hội.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1 Tác động đến xã hội

Đề tài luận giải các cơ sở lý luận và thực tiễn PTBV trong điều kiện toàn cầu hóa, kinh tế tri thức, kinh tế xanh và biến đổi khí hậu ở Vùng ven biển Bắc Trung Bộ; đề xuất và làm rõ các chính sách PTBV ở Vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn từ nay đến 2030 tầm nhìn 2045 và những năm tiếp theo trong khuôn khổ phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước và có tính khả thi nhằm thực hiện thành công các mục tiêu PTBV ở Việt Nam.

Đề tài xác định vai trò tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và nâng cao nhằm bảo đảm tính toàn diện trong nghiên cứu mối quan hệ (cụ thể là tác động) của các yếu tố toàn cầu hóa, kinh tế tri thức, kinh tế xanh và BDKH đến PTBV (cả về lý luận và thực tiễn ở Việt Nam), đóng góp vào việc xác định phương pháp luận đánh giá định tính và định lượng tác động của các yếu tố nêu trên đối với PTBV, xác định cụ thể những tác động này ở Vùng biển Bắc Trung Bộ để làm luận chứng cho việc xác định các giải pháp chính sách trong thời gian tới theo yêu cầu của mô hình PTBV trong điều kiện mới.

Đề tài góp phần quan trọng trong việc xây dựng cơ sở khoa học cho việc xác lập các chính sách PTBV trong điều kiện mới ở Vùng Ven biển Bắc Trung Bộ. Kết quả của đề tài còn là luận cứ khoa học có giá trị để Đảng, Quốc hội và Chính phủ hoạch định chiến lược và các kế hoạch phát triển KTXH của các Vùng ven biển ở Việt Nam giai đoạn từ nay đến 2030 tầm nhìn 2045.

Đề tài là tài liệu tham khảo có giá trị cho các viện nghiên cứu, các trường đại học khối kinh tế, tài chính trong việc nghiên cứu, tư vấn hoạch định chính sách và đề xuất các chính sách liên

quan đến tăng trưởng kinh tế, vai trò của nhà nước và các chủ thể khác có liên quan trong PTBV phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, BDKH và CMCN 4.0.

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho việc hoàn thiện các chương trình đào tạo đại học và sau đại học các chuyên ngành: Kinh tế phát triển, Kinh tế tài nguyên, Kinh tế Đầu tư, Kinh tế môi trường của Trường đại học Kinh tế quốc dân và các trường đại học khối kinh tế trong cả nước.

3.2 Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo sau đại học

Đề tài sẽ huy động một lực lượng lớn cán bộ nghiên cứu, giảng viên và sinh viên Trường Đại học KTQD, Đại học Tài nguyên và Môi trường tham gia nghiên cứu. Quá trình nghiên cứu của đề tài góp phần quan trọng bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ nghiên cứu, nhất là các cán bộ, giảng viên trẻ của các trường đại học, viện nghiên cứu khối kinh tế mà trước hết là Trường Đại học KTQD.

Thông qua nghiên cứu các vấn đề lý luận có liên quan và khảo sát thực tiễn, năng lực nghiên cứu, tổ chức thực hiện đề tài của Trường Đại học KTQD sẽ được nâng lên đáng kể, góp phần tăng cường năng lực nghiên cứu và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Một số nghiên cứu sinh, học viên cao học của Trường Đại học KTQD, Đại học Tài nguyên và Môi trường sẽ được huy động để tham gia đề tài. Đề tài đã tham gia đào tạo thành công 01 NCS viết luận án tiến sĩ và 03 học viên cao học viết luận văn thạc sĩ về các vấn đề liên quan trực tiếp đến nội dung nghiên cứu của đề tài.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu \checkmark vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn (trước hạn) X
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc X

Giải thích lý do:

Các kết quả thực hiện đề tài đều đạt và vượt yêu cầu về chất lượng và giá trị khoa học, đề tài có ý nghĩa thực tiễn cao.

Bản thảo 01 cuốn sách chuyên khảo.

02 bài viết đăng Tạp chí quốc tế

03 bài viết đăng Tạp chí trong nước

11 bài tham gia Hội thảo quốc gia trên cơ sở kết quả nghiên cứu của đề tài, được NXB Lao động xã hội in và phát hành.

Hỗ trợ đào tạo 01 NCS đã hoàn thành luận án và bảo vệ cấp quốc gia, 03 HVCH đã nhận bằng Thạc sĩ, các NCS và HVCH đều có hướng nghiên cứu phù hợp với nội dung của đề tài

Báo cáo tổng hợp đề tài đã hoàn thiện và đạt yêu cầu

Kết quả nghiên cứu và các kiến nghị của đề tài đã được gửi đến và có xác nhận của các cơ quan thực tiễn về việc sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký)



GS. TS. Nguyễn Đình Hương

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS Bùi Huy Nhượng